

Bản án số: 07/2023/DS - PT.
Ngày 12 tháng 01 năm 2023.
V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Thành.

Ông Nguyễn Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thanh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ; Tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022; Về việc “Tranh chấp chia thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2022/QĐXX-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 01/2022/QĐPT-DS ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 10, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xóm N, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của **chị Nguyễn Thanh T**: **Chị Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho **chị Nguyễn Thanh T**: Ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Trọng T thuộc văn phòng luật sư Thiên An Lương- Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Chị Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

2. **Chị Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

3. **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xóm N, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị **Nguyễn Thanh T**: Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1998 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bố chị là ông Nguyễn Văn N, mẹ chị là bà Tạ Thị L. Sinh thời bố mẹ chị sinh được 04 người con là: Anh Nguyễn Thanh H, mất năm 2016, anh H có 02 con là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995 và Nguyễn Thanh H, sinh năm 1998; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu 9 phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ; chị Nguyễn Thu Thu Hằng, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu 7, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ; chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu 10, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Bố mẹ chị có khối tài sản chung là thửa đất ở tổ 9, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 447m². Từ nhỏ chị cùng các anh chị em sinh sống ở đây. Sau khi trưởng thành các chị lập gia đình ra ở riêng, chỉ còn anh H và vợ là chị Q ở cùng bố mẹ chị. Năm 1999 bố chị chết, trên thửa đất này mẹ chị sinh sống trong một ngôi nhà, chị Q và các con sinh sống trong một ngôi nhà. Năm 2002 anh H, chị Q đã tự ý làm bia đỏ đứng tên anh chị với diện tích đất thực tế là 430,1m², trong đó có 300m² đất ở và 130,1m² đất vườn, không được sự đồng ý của mẹ chị và các chị.

Ngày 23/10/2020 các chị đã đề nghị Tòa án chia thừa kế, khi Tòa án giải quyết đã chia làm hai phần, một phần giao cho chị Q vợ anh H cùng các con sử dụng, phần còn lại của các chị và mẹ chị thì chị thẩm phán Nguyễn Thị Hoa đã nói là để cho mẹ chị là bà L đứng tên để không phải chịu án phí vì mẹ chị tuổi đã cao. Ngày 02/2/2021 theo quyết định của Tòa án, các chị và mẹ được sử dụng 188,2m² tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Năm 2021 mẹ chị mất không để lại di chúc, khi các chị đi làm bia đỏ sang tên từ mẹ sang cho 03 chị em gái thì địa chính phường D L nói phải có chữ kí của 02 con đẻ của anh H. Khi các chị yêu cầu thì chị H và chị T không kí mà đòi chia và nói là đây là thừa kế do bà nội để lại. Chị không nhất trí vì phần của các cháu và mẹ thì mẹ các cháu đã thay mặt nhận tại tòa án rồi, đây là phần của các chị và mẹ, nếu biết hậu quả thế này thì vào năm 2020 các chị đã đứng tên.

Mặt khác khi tòa án chia đất vào năm 2020 thì ngôi nhà mẹ chị đang ở đã cũ nát, một phần ngôi nhà nằm trên đất của chị Q được chia nên phải dỡ bỏ. Lúc này mẹ chị đang ốm nặng nên các chị đã góp tiền cùng nhau làm một ngôi nhà cấp 4 cho mẹ ở và nếu mẹ có mệnh hệ gì thì còn có chỗ lo hậu sự. Sau khi làm nhà được gần 3 tháng thì mẹ các chị mất, trước khi mẹ chị mất vì căn bệnh ung thư chỉ có các chị cùng chồng (con rể là Cương và Khiêm) thay nhau đưa mẹ đi khám và điều trị ở bệnh viện Hà Nội, thay nhau chăm sóc khi đưa mẹ về nhà. Chạy chữa được khoảng tháng thì mẹ chị mất. Ba chị em các chị lại cùng nhau lo hậu sự cho mẹ, lo 49, 100 ngày và lo giỗ đầu cho mẹ, chị Q và các con không có trách nhiệm gì. Nay các chị đề nghị giao nhà đất cho các chị để các chị cúng giỗ bố mẹ và đề nghị xem xét đến công sức của các chị trong việc chăm sóc khi mẹ ốm(mẹ các chị

ôm hơn hai năm mới mắt) ma chay tang lễ cho mẹ, cúng giỗ bố mẹ, vì anh trai đã mất, chị dâu và các cháu không quan tâm và có trách nhiệm gì.

Bị đơn là chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông nội chị là Nguyễn Văn N, bà nội chị là Tạ Thị L sinh được 04 người con gồm bố chị là Nguyễn Thanh H, cô Nguyễn Thị Thu H, cô Nguyễn Thị Thanh H, cô Nguyễn Thị H.

Ông nội chị mất năm 1999, bà nội chị mất năm 2021. Bố chị mất năm 2016. Bố chị sinh được 02 người con là chị Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh H. Khi bà nội chị mất có để lại 01 thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16, diện tích 188,2m²; địa chỉ: Khu D L, phường D L, thành phố V T,

Nay cô Hải đề nghị tòa án chia thừa kế thừa đất bà nội chị để lại, quan điểm của chị đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật, chị được hưởng phần thừa kế của bố chị. Chị xin nhận đất không nhận bằng tiền.

Đối với giá của Hội đồng định giá: Chị không nhất trí vì giá thấp, nhưng không đề nghị định giá lại.

Chị cũng thừa nhận khi bà nội chị mất thì chị và em, mẹ không xuống chịu tang vì các cô không cho chị em chị xuống chịu tang, chồng chị là Lê Duy Đông xuống nhưng không được phát khăn tang.

Còn ngôi nhà hiện nay mới xây trên đất của bà nội chị thì chị không biết ai làm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị H thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh H

2. Chị Nguyễn Thanh H thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Tất cả các đương sự đều xin được lấy đất, không đồng ý nhận thanh toán bằng tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện thành phố V T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

1. Áp dụng Điều 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị H được đồng sở hữu và sử dụng: 01 ngôi nhà mái bằng trên diện tích đất 188,2 m² tại thửa đất số 844, tờ bản đồ số 16 địa chỉ thửa đất: Khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DSA 044874 do UBND thành phố V T cấp ngày 28/5/2021 cho bà Tạ Thị L. Diện tích đo đạc thực tế là 185,3m².

Chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Thanh H mỗi người số tiền là 30.144.730đ (Ba mươi triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Kháng cáo:

Ngày 05/10/2022, chị Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung:

Không đồng ý chia đất làm năm phần; Đề nghị định giá lại giá đất theo giá thị trường; Chia di sản thừa kế bằng đất, không lấy bằng tiền. Ngày 24 tháng 12 năm 2022 có đơn yêu cầu kháng cáo bổ sung chia ngôi nhà cấp 4 làm 4 phần.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thanh T rút một phần kháng cáo không đề nghị định giá lại tài sản còn các nội dung kháng cáo khác vẫn giữ nguyên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thanh T có bản luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thanh T, chia di sản thừa kế của bà Tạ Thị L làm bốn phần cho các hàng thừa kế, chia bằng hiện vật nếu không thỏa thuận được thì bán di sản thừa kế chia đều cho các hàng thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 308, 309, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

- Không chấp nhận một phần kháng cáo của chị T.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.
- Về án phí phúc thẩm: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn Kháng cáo của chị Nguyễn Thanh T nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thanh T Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu chia đất làm 05 phần:

- Về nguồn gốc thửa đất: Ông Nguyễn Văn N và bà Tạ Thị L có khối tài sản chung là thửa đất ở tổ 9, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 447m². Năm 1999, ông N chết, chỉ có bà L sinh sống tại thửa đất cùng với anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Kim Q (con dâu) và các con của anh H, chị Q. Năm 2002, UBND thành phố V T cấp GCNQSD đất thửa đất số 597-2, tờ bản đồ số 16 đứng tên hộ anh Nguyễn Thanh H có diện tích đất thực tế là 430,1m², trong đó có 300m² đất ở và 130,1m² đất vườn. Ngày 02/2/2021, Tòa án nhân dân thành phố V T ra quyết định công nhận sự thỏa thuận số 03 về việc chia di sản thừa kế thửa đất số 597-2, trong đó chị Nguyễn Thị Kim Q được quyền sử dụng 241,9m² (150m² đất ở và 91m² đất vườn) và bà Tạ Thị L được sử dụng 188,2m² (150m² đất ở và 38,2m² đất vườn) tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi được chia di sản thừa kế, ngôi nhà cụ L đang ở đã cũ nát, một phần ngôi nhà nằm trên đất chị Q đã được chia nên phải

dỡ bỏ. Do bà L ốm nặng và cần chỗ ở nên chị H, chị H, chị H đã góp tiền làm một ngôi nhà cấp 4 cho bà L ở và để có chỗ lo hậu sự. Sau khi làm nhà được gần 03 tháng thì bà L chết, chị H, chị H, chị H lo hậu sự và lo giỗ đầu cho bà L; chị Q và các con của chị Q, anh H không có trách nhiệm gì.

-Về hàng thừa kế: Bà Tạ Thị L chết năm 2021 và anh Nguyễn Thanh H (con bà L) chết năm 2016 (không có di chúc), bố mẹ đẻ của bà L đều đã chết, các đương sự đều thừa nhận bà L có 04 người con, ngoài ra không có con đẻ hay con nuôi nào khác. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm: chị H, chị H, chị H, anh H. Do anh H chết trước cụ L nên thừa kế thế vị gồm: chị T, chị H (chị T và chị H được hưởng 1 suất thừa kế của anh H).

-Về di sản thừa kế:

+ 01 thửa đất số 844 tờ bản đồ số 16, diện tích 188,2m² (trong đó đất ở đô thị 150m²; đất trồng cây lâu năm 38,2m) đã được cấp giấy CNQSD đất số DA 044874 ngày 28/5/2021, địa chỉ tại khu D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ đứng tên bà Tạ Thị L. Đây là tài sản riêng của bà Tạ Thị L do quá trình giải quyết vụ án chia di sản thừa kế theo Quyết định công nhận thoả thuận số 03 ngày 02/02/2021 (chị H, chị H và chị H đã tự nguyện giao cho bà L phần di sản thừa kế của mình). Do bà Tạ Thị L chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế đối với thửa đất bà L để lại được chia theo pháp luật.

+ Trên đất có 01 nhà cấp 4 xây dựng đầu năm 2021 nền lát gạch hoa, xây tường 110mm, có 01 cửa đi ở giữa bằng sắt hộp. Tổng diện tích 63,5m² do chị H, chị H và chị H đã góp tiền xây. Đây là tài sản chung của chị H, chị H và chị H.

+ Số liệu đo đạc thực tế diện tích đất 185,3m² đất ở đô thị 150m², đất trồng cây lâu năm 35,3m².

Theo nguyện vọng của chị H, chị H, chị H muốn được giữ lại mảnh đất này làm nơi thờ cúng bố mẹ. Xét thấy theo nguyện vọng của đa số muốn giữ mảnh đất này làm khuôn viên chung để thờ cúng các cụ, nếu chia đất sẽ ảnh hưởng đến công trình trên đất. Đồng thời, chị H, chị H và chị H thống nhất để chị H và chị H cùng đứng tên, phần thừa kế của chị H không đề nghị thanh toán, chị H có trách nhiệm thanh toán cho chị H và chị T phần thừa kế hai chị được hưởng.

Hơn nữa, theo Quyết định công nhận thoả thuận của đương sự thì Tòa án nhân dân thành phố V T thì chị Q và chị H, chị T đã được chia phần diện tích lớn hơn so với thửa đất chia cho bà L và các con (chị H, chị H và chị H).

Từ những phân tích xét thấy chỉ có thể giao cho một người sử dụng đất và thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ.

Cụ thể:

Đất ở có giá là 2.000.000đ/m²: 150m² x 2.000.000đ = 300.000.000đ

Đất vườn có giá là 41.000đ/m²: 35,3m² x 41.000đ = 1.447.300đ

Nhà và các vật kiến trúc khác có giá là 174.394.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 475.841.300đ.

Xét thấy: nếu chia bằng hiện vật: 185,3m² : 5 = 37,06 m² (30m² đất ở và 7,06m² đất vườn) trong đó chị H, chị H, chị H = 37,06m²/ người; chị H, chị T = 37,06m²: 2 = 18,53m²). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 12 ngày 10/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định: “1. Thừa đất

ở chỉ được tách thửa khi diện tích của các thửa đất hình thành sau khi tách từ thửa đất đó không nhỏ hơn 50 (năm mươi) mét vuông.”. Do vậy, nếu chia bằng hiện vật là không khả thi.

Mặt khác, phân di sản thừa kế chỉ được chia sau khi trừ đi chi phí liên quan đến nghĩa vụ do người chết để lại (Khi bà L ốm nặng, chỉ có chị H, chị H và chị H đóng góp công sức và tiền xây nhà, chăm sóc mẹ, chi trả tiền viện phí và lo hậu sự, giỗ mẹ...) do đó chia phân di sản thành 05 phần, một phần để thanh toán những khoản trên còn 04 phần chia cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ và hợp lý.

Như vậy, xét về kỹ phần, mỗi suất thừa kế sẽ được hưởng tương đương với số tiền là: $(475.841.300đ - 174.394.000đ) : 5 = 60.289.460 đ$.

Chị H và chị T mỗi người sẽ được nhận 1/2 suất thừa kế tương đương với số tiền: 30.144.730 đ.

2.2. Đối với yêu cầu định giá lại do trước khi xét xử chị T đã rút yêu cầu kháng cáo đối với nội dung này nên theo quy định tại khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với nội dung này.

2.3. Đối với yêu cầu xin lấy phần đất của mình được chia, nếu không đủ xin mua lại cho đủ diện tích làm bì đồ, do không thể chia bằng đất như đã phân tích ở trên nên kháng cáo về nội dung này không được chấp nhận.

Do vậy kháng cáo của chị Nguyễn Thị T là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của chị Nguyễn Thanh T không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 289 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thanh T.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thanh T về nội dung đề nghị định giá lại tài sản là di sản thừa kế.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS - ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

1. Căn cứ: Điều 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị H được đồng sở hữu và sử dụng: 01 ngôi nhà mái bằng trên diện tích đất 188,2 m² tại thửa đất số 844, tờ bản đồ số 16 địa chỉ thửa đất: Khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 044874 do UBND thành phố V T cấp ngày 28/5/2021 cho bà Tạ Thị L. Diện tích đo đạc thực tế là 185,3m².

Chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Thanh H mỗi người số tiền là 30.144.730đ (Ba mươi triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi xuất chậm thanh toán theo quy định Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 4.521.700đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi một nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009174 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T. Chị H còn phải nộp 4.221.700đ (Bốn triệu hai trăm hai mươi một nghìn bảy trăm đồng)

Chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thanh H mỗi người phải chịu 1.507.236đ (Một triệu năm trăm linh bảy nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng) tiền án phí.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Xác nhận chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0009815 ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a,7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS thành phố V T;
- TAND thành phố V T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kim Ái Lê Thị Thu Huyền

Nguyễn Hà Giang

Nguyên đơn: Nguyễn Thanh Hải – SN 1974

Địa chỉ: Khu 10, T V, V T, Phú Thọ

Bị đơn: Nguyễn Thanh T – SN 1995

Địa chỉ: Khu 4, xóm N, T V, V T

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thanh H – SN 1998

Địa chỉ: Tổ 9, khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ

2. Chị Nguyễn Thị Thu H – SN 1972

Địa chỉ: Khu 7, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ

3. Chị Nguyễn Thị H – SN 1970

Địa chỉ: Tổ 9, khu D L, phường D L, thành phố V T.

Sau khi nghiên cứu đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh T, hồ sơ vụ án tranh chấp thừa kế tài sản; tài liệu, chứng cứ mới thu thập được (*nếu có*), tôi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án (việc) dân sự nêu trên như sau:

I. TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CỦA TOÀ ÁN CẤP SƠ THẨM VÀ NỘI DUNG KHÁNG CÁO.

1. Tóm tắt nội dung vụ án

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 4/7/2022 và các bản tự khai của nguyên đơn thể hiện:**

Bố mẹ bà là cụ ông: Nguyễn Văn N mất năm 1999, Cụ bà Tạ Thị L, mất năm 2021, có 04 người con gồm:

+ Ông Nguyễn Thanh H – mất năm 2016; có 02 con là Nguyễn Thanh T – SN 1995, Nguyễn Thanh H – SN 1998;

+ Bà Nguyễn Thu Hương – SN 1970;

+ Bà Nguyễn Thị Thu H – SN 1972;

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H – SN 1974.

Ngày 02/2/2021, sau khi cụ Náng mất, cụ L được sử dụng 188,2m² đất ở tại thửa đất số 84 tờ bản đồ số 16 tại thửa đất khu D L, phường D L, thành phố V T. Nguồn gốc thửa đất này là tài sản riêng của cụ L theo Quyết định công nhận thỏa thuận số 03 ngày 02/02/2021 tại Tòa án nhân dân thành phố V T.

Nay cụ L mất không để lại di chúc, bà Hải đề nghị chia di sản thừa kế do cụ theo quy định pháp luật.

Quan điểm bà Hương, bà Hằng, bà Hải đề nghị giao đất cho các bà để có chỗ cúng giỗ bố mẹ.

*** Phía bị đơn chị Nguyễn Thanh T –SN 1995 (BL 38)**

Ông nội chị Nguyễn Văn N, mất năm 1999 và bà nội Tạ Thị L, mất năm 2021 sinh được 04 người con như nguyên đơn trình bày, trong đó có bố chị là ông Nguyễn Thanh H (mất năm 2016) có hai người con là chị T và em Nguyễn Thanh H.

Khi bà L mất đi có để lại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16, diện tích 188,2m² địa chỉ tại khu D L, phường D L. Nay cô Hải đề nghị chia di sản thừa kế thửa đất bà nội để lại, quan điểm chị T đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật, chị T nhận phần đất của ông Hương được hưởng.

Quan điểm của chị H như chị T, đồng thời các đương sự đều muốn được nhận bằng hiện vật, không nhận tiền.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là** bà Nguyễn Thị Thu H – SN 1972 theo Bản tự khai ngày 04/7/2022 (BL 37) và bà Nguyễn Thị H thống nhất lời khai của chị H.

Đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật do cụ L chết không để lại di chúc. Phần di sản thừa kế của bà Hằng được nhận xin nhường lại cho bà Hương và bà Hải.

2. Quyết định của Bản án sơ thẩm

Tại Bản án số 22/2021/DS-ST ngày 26/0/22 của TAND TP V T đã xử:

1. Áp dụng Điều 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị H được đồng sở hữu và sử dụng: 01 ngôi nhà mái bằng trên diện tích đất 188,2 m² tại thửa đất số 844, tờ bản đồ số 16 địa chỉ thửa đất: Khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DSA 044874 do UBND thành phố V T cấp ngày 28/5/2021 cho bà Tạ Thị L. Diện tích đo đạc thực tế là 185,3m².

Chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T, Nguyễn Thanh H mỗi người số tiền là 30.144.730đ (Ba mươi triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 4.521.700đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi một nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009174 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T. Chị H còn phải nộp 4.221.700đ (Bốn triệu hai trăm hai mươi một nghìn bảy trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thanh H mỗi người phải chịu 1.507.236đ (Một triệu năm trăm linh bảy nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng) tiền án phí.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí, quyền giai đoạn THA và quyền kháng cáo.

3. Nội dung kháng cáo

Ngày 05/10/22, bị đơn chị Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp Phúc thẩm xét xử lại theo hướng:

- Không đồng ý chia đất làm 05 phần.
- Xác định lại giá đất theo giá thị trường hiện nay.
- Xin lấy phần đất của mình được chia, nếu không đủ xin mua lại cho đủ diện tích làm bìa đỏ.

2. Về nội dung kháng cáo:

2.1. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu chia đất làm 05 phần

- Về nguồn gốc thửa đất: Cụ Năng và cụ L có khối tài sản chung là thửa đất ở tổ 9, phường D L, tp. V T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 447m². Năm 1999, ông N chết, chỉ có bà L sinh sống tại thửa đất cùng với anh H và chị Nguyễn Thị Kim Q (con dâu) và các cháu. Năm 2002, UBND thành phố V T cấp GCNQSD đất thửa đất số 597-2, tờ bản đồ số 16 đứng tên hộ anh H có diện tích đất thực tế là 430,1m², trong đó có 300m² đất ở và 130,1m² đất vườn. Ngày 02/2/2021, Tòa án nhân dân thành phố V T ra quyết định công nhận sự thỏa thuận số 03 về việc chia di sản thừa kế thửa đất số 597-2, trong đó chị Nguyễn Thị Kim Q được quyền sử dụng 241,9m² (150m² đất ở và 91m² đất vườn) và cụ Tạ Thị L được sử dụng 188,2m² (150m² đất ở và 38,2m² đất vườn) tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi được chia di sản thừa kế, ngôi nhà cụ L đang ở đã cũ nát, một phần ngôi nhà nằm trên đất chị Q đã được chia nên phải dỡ bỏ. Do cụ L ốm nặng, bà Hương, bà Hằng, bà Hải đã góp tiền làm một ngôi nhà cấp 4 cho cụ L ở và để có chỗ lo hậu sự. Sau khi làm nhà được gần 03 tháng thì cụ L mất, bà Hương, bà Hằng, bà Hải lo hậu sự và lo giỗ đầu cho cụ L; bà Quý và các con không có trách nhiệm gì.

-Về hàng thừa kế: Cụ L chết năm 2021 và ông Hương (con cụ L) chết năm 2016 (không có di chúc), bố mẹ đẻ của cụ L đều đã chết, các đương sự đều thừa nhận cụ L có 04 người con, ngoài ra không có con đẻ hay con nuôi nào khác. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 651, Điều 652 BLDS xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm: chị H, chị H, chị H, ông Hương. Do ông Hương chết trước cụ L nên thừa kế thế vị gồm: chị T, chị H (chị T và chị H được hưởng 1 suất thừa kế của ông Hương).

-Về di sản thừa kế:

+01 thửa đất số 844 tờ bản đồ số 16, diện tích 188,2m² (trong đó đất ở đô thị 150m²; đất trồng cây lâu năm 38,2m²) đã được cấp giấy CNQSD đất số DA 044874 ngày 28/5/2021, địa chỉ tại khu D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Đây là tài sản riêng của cụ L do quá trình giải quyết vụ án chia di sản thừa kế theo Quyết định công nhận thỏa thuận số 03 ngày 02/02/2021 (bà Hải, bà Hương và bà Hằng đã tự nguyện giao cho cụ L phần di sản thừa kế của mình). Do cụ L chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế đối với thửa đất cụ L để lại được chia theo pháp luật.

+Trên đất có 01 nhà cấp 4 xây dựng đầu năm 2021 nền lát gạch hoa, xây tường 110mm, có 01 cửa đi ở giữa bằng sắt hộp. Tổng diện tích 63,5m² do bà Hải, bà Hương và bà Hằng đã góp tiền xây. Đây là tài sản chung của bà Hải, Hương và bà Hằng.

+Số liệu đo đạc thực tế diện tích đất 185,3m² đất ở đô thị 150m², đất trồng cây lâu năm 35,3m².

Theo nguyện vọng của bà Hương, bà Hằng, bà Hải muốn được giữ lại mảnh đất này làm nơi thờ cúng bố mẹ. Xét thấy theo nguyện vọng của đa số muốn giữ mảnh đất này làm khuôn viên chung để thờ cúng các cụ, nếu chia đất sẽ ảnh hưởng đến công trình trên đất. Đồng thời, bà Hải, Hương và Hằng thống nhất để bà Hương và bà Hải cùng đứng tên, phần thừa kế của bà Hằng không đề nghị thanh toán, bà Hải có trách nhiệm thanh toán cho chị H và chị T phần thừa kế hai chị được hưởng.

Hơn nữa, theo Quyết định công nhận thoả thuận của đương sự thì Tòa án nhân dân thành phố V T thì bà Quý và chị H, chị T đã được chia phần diện tích lớn hơn so với thửa đất chia cho cụ L và các con (bà Hải, Hương và bà Hằng).

Từ những phân tích xét thấy chỉ có thể giao cho một người sử dụng đất (theo nguyện vọng của các bà như trên) và thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ.

Cụ thể:

Đất ở có giá là 2.000.000đ/m²: 150m² x 2.000.000đ = 300.000.000đ

Đất vườn có giá là 41.000đ/m²: 35,3m² x 41.000đ = 1.447.300đ

Nhà và các vật kiến trúc khác có giá là 174.394.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 475.841.300đ.

Xét thấy: nếu chia bằng hiện vật: $185,3\text{m}^2 : 5 = 37,06\text{m}^2$ (30m² đất ở và 7,06m² đất vườn) trong đó bà Hương, bà Hằng, bà Hải = 37,06m²/ người; chị Hoa, chị T = $37,06\text{m}^2 : 2 = 23,162\text{m}^2$). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 12 ngày 10/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định: “1. Thừa đất ở chỉ được tách thừa khi diện tích của các thửa đất hình thành sau khi tách từ thửa đất đó không nhỏ hơn 50 (năm mươi) mét vuông.”. Do vậy, nếu chia bằng hiện vật là không khả thi.

Mặt khác, phần di sản thừa kế chỉ được chia sau khi trừ đi chi phí liên quan đến nghĩa vụ do người chết để lại (Khi cụ L ốm nặng, chỉ có bà Hải, bà Hương và bà Hằng đóng góp công sức và tiền xây nhà, chăm sóc mẹ, chi trả tiền viện phí và lo hậu sự, giỗ mẹ...) do đó chia phần di sản thành 05 phần, một phần để thanh toán những khoản trên còn 04 phần chia cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ và hợp lý.

Như vậy, xét về kỹ phần, mỗi suất thừa kế sẽ được hưởng tương đương với số tiền là: $(475.841.300đ - 174.394.000đ) : 5 = 60.289.460\text{đ}$.

Chị H và chị T mỗi người sẽ được nhận 1/2 suất thừa kế tương đương với số tiền: 30.144.730 đ.

2.2. Đối với yêu cầu định giá lại do trước khi xét xử chị T đã rút yêu cầu kháng cáo đối với nội dung này nên theo quy định tại khoản 1 Điều 289 BLTTDS đình chỉ đối với nội dung này.

2.3. Đối với yêu cầu xin lấy phần đất của mình được chia, nếu không đủ xin mua lại cho đủ diện tích làm bìu đở, do không thể chia bằng đất như đã phân tích ở trên nên kháng cáo về nội dung này không được chấp nhận.

3. Đề xuất

Từ những phân tích nêu trên, Kiểm sát viên đề xuất: Căn cứ Điều 308, 309, 148 BLTTDS; Nghị quyết 326, đề nghị HĐXX phúc thẩm:

- Không chấp nhận một phần kháng cáo của chị T.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 26/0/22 của TAND TP V T.
- + Về án phí phúc thẩm: Theo quy định của pháp luật./.

Bản án số: 22 /2022/DS-ST

Ngày: 26-9-2022

V/v: *Tranh chấp chia thừa kế tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V T, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh

2. Ông Lê Minh Tranh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thẩm tra viên tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố V T xét xử công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST- DS ngày ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 10, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xóm N, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1998. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

3. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người làm chứng:

1. Anh **Đặng Quang Tâm**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Lưu Công Cường, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 7, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.
3. Ông Đỗ Tấn Hùng, sinh năm 1965 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 13, phường Thanh Miếu, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.
4. Bà Tạ Thị Hiền, sinh năm 1957 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu Quế Trạo, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.
5. Ông Tạ Văn Khoa, sinh năm 1960 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 4, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bố chị là ông Nguyễn Văn N, mẹ chị là bà Tạ Thị L. Sinh thời bố mẹ chị sinh được 04 người con là:

- + Nguyễn Thanh H, mất năm 2016, anh H có 02 con là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995 và Nguyễn Thanh H, sinh năm 1998;
- + Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu 9 phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ;
- + Nguyễn Thu Thu Hằng, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu 7, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ;
- + Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu 10, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Bố mẹ chị có khối tài sản chung là thửa đất ở tổ 9, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 447m². Từ nhỏ chị cùng các anh chị em sinh sống ở đây. Sau khi trưởng thành các chị lập gia đình ra ở riêng, chỉ còn anh H và vợ là chị Q ở cùng bố mẹ chị. Năm 1999 bố chị chết, trên thửa đất này mẹ chị sinh sống trong một ngôi nhà, chị Q và các con sinh sống trong một ngôi nhà. Năm 2002 anh H, chị Q đã tự ý làm bìa đỏ đứng tên anh chị với diện tích đất thực tế là 430,1m², trong đó có 300m² đất ở và 130,1m² đất vườn, không được sự đồng ý của mẹ chị và các chị.

Ngày 23/10/2020 các chị đã đề nghị Tòa án chia thừa kế, khi Tòa án giải quyết đã chia làm hai phần, một phần giao cho chị Q vợ anh H cùng các con sử dụng, phần còn lại của các chị và mẹ chị thì chị thẩm phán Nguyễn Thị Hoa đã nói là để cho mẹ chị là bà L đứng tên để không phải chịu án phí vì mẹ chị tuổi đã cao. Ngày 02/2/2021 theo quyết định của Tòa án, các chị và mẹ được sử dụng 188,2m² tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Năm 2021 mẹ chị mất không để lại di chúc, khi các chị đi làm bìa đỏ sang tên từ mẹ sang cho 03 chị em gái thì địa chính phường D L nói phải có chữ kí của 02 con đẻ của anh H. Khi các chị yêu cầu thì chị H và chị T không kí mà đòi

chia và nói là đây là thừa kế do bà nội để lại. Chị không nhất trí vì phần của các cháu và mẹ thì mẹ các cháu đã thay mặt nhận tại tòa án rồi, đây là phần của các chị và mẹ, nếu biết hậu quả thế này thì vào năm 2020 các chị đã đứng tên.

Mặt khác khi tòa án chia đất vào năm 2020 thì ngôi nhà mẹ chị đang ở đã cũ nát, một phần ngôi nhà nằm trên đất của chị Q được chia nên phải dỡ bỏ. Lúc này mẹ chị đang ốm nặng nên các chị đã góp tiền cùng nhau làm một ngôi nhà cấp 4 cho mẹ ở và nếu mẹ có mệnh hệ gì thì còn có chỗ lo hậu sự. Sau khi làm nhà được gần 3 tháng thì mẹ các chị mất, trước khi mẹ chị mất vì căn bệnh ung thư chỉ có các chị cùng chồng (con rể là Cương và Khiêm) thay nhau đưa mẹ đi khám và điều trị ở bệnh viện Hà Nội, thay nhau chăm sóc khi đưa mẹ về nhà. Chạy chữa được khoảng tháng thì mẹ chị mất. Ba chị em các chị lại cùng nhau lo hậu sự cho mẹ, lo 49, 100 ngày và lo giỗ đầu cho mẹ, chị Q và các con không có trách nhiệm gì. Nay các chị đề nghị giao nhà đất cho các chị để các chị cúng giỗ bố mẹ và đề nghị xem xét đến công sức của các chị trong việc chăm sóc khi mẹ ốm (mẹ các chị ốm hơn hai năm mới mất) ma chay tang lễ cho mẹ, cúng giỗ bố mẹ, vì anh trai đã mất, chị dâu và các cháu không quan tâm và có trách nhiệm gì.

Bị đơn là chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông nội chị là Nguyễn Văn N, bà nội chị là Tạ Thị L sinh được 04 người con gồm bố chị là Nguyễn Thanh H, cô Nguyễn Thị Thu H, cô Nguyễn Thị Thanh H, cô Nguyễn Thị H.

Ông nội chị mất năm 1999, bà nội chị mất năm 2021. Bố chị mất năm 2016. Bố chị sinh được 02 người con là chị Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh H. Khi bà nội chị mất có để lại 01 thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16, diện tích 188,2m²; địa chỉ: Khu D L, phường D L, thành phố V T,

Nay cô Hải đề nghị tòa án chia thừa kế thừa đất bà nội chị để lại, quan điểm của chị đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật, chị được hưởng phần thừa kế của bố chị. Chị xin nhận đất không nhận bằng tiền.

Đối với giá của Hội đồng định giá: Chị không nhất trí vì giá thấp, nhưng không đề nghị định giá lại.

Chị cũng thừa nhận khi bà nội chị mất thì chị và em, mẹ không xuống chịu tang vì các cô không cho chị em chị xuống chịu tang, chồng chị là Lê Duy Đông xuống nhưng không được phát khăn tang.

Còn ngôi nhà hiện nay mới xây trên đất của bà nội chị thì chị không biết ai làm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị H thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh H

2. Chị Nguyễn Thanh H thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Tất cả các đương sự đều xin được lấy đất, không đồng ý nhận thanh toán bằng tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V T chia tài sản thừa kế tại khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố V T đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về di sản thừa kế: Nguồn gốc thừa đất số 84 tờ bản đồ số 16 diện tích 188,2m² và một ngôi nhà 01 tầng tại khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Tạ Thị L là di sản thừa kế của bà L, tất cả các đương sự đều thừa nhận như vậy. Theo kết quả thẩm định của TAND thành phố V T thì thực tế đang sử dụng là 185,3m² đất trong đó có 150m² đất ở và đất trồng cây lâu năm là 35,3m².

Bà L mất đi không để lại di chúc vì vậy di sản thừa kế của bà sẽ được chia theo pháp luật. Chị H, chị H, chị H, ông Hương đều là hàng thừa kế thứ nhất của bà Tạ Thị L. Chị T và chị H là con của ông Hương, do ông Hương chết trước bà L nên chị T và chị H là người thừa kế thế vị đối với phần di sản ông Hương nếu còn sống được hưởng.

Tất cả các đương sự đều nhận thừa kế bằng đất, không nhận bằng tiền, hội đồng xét xử xét thấy: di sản thừa kế có diện tích đất đo đạc thực tế là 185,3 m², trong đó có 150m² đất ở và đất trồng cây lâu năm là 35,3m². Tuy nhiên di sản thừa kế này chỉ được chia khi trừ đi chi phí chăm sóc bà L khi bà L ốm đau, ma chay giỗ chạp, khi bà L mất (do các con gái của bà L có đề nghị) do vậy di sản thừa kế này phải chia làm 5 phần, một phần là để thanh toán những khoản trên còn 04 phần chia cho các đồng thừa kế. Như vậy 150m² đất ở chia 5 phần mỗi phần được hưởng 30m² đất ở = 60.000.000,đồng; 35,3m² đất vườn (đất trồng cây lâu năm) chia 5 thì mỗi phần được 7,06m² = 289.460,đồng. Theo qui định tại Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ thì diện tích đất ở tối thiểu để tách thửa là 50m² và Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định 14 ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ diện tích đất trồng cây lâu năm tối thiểu được tách thửa là 200m², chia bằng hiện vật chưa đủ diện tích để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vậy chỉ có thể giao cho một người sử dụng đất, thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Các chị H, Hải, Hương xin được nhận nhà, đất và thanh toán cho chị H và

chị T xét thấy là phù hợp thực tế và phù hợp pháp luật bởi lẽ: các chị được hưởng 4/5 di sản thừa kế, nhà trên đất do các chị xây dựng, các chị là người trực tiếp thờ cúng bố mẹ tại nhà đất này. Mặt khác vào năm 2021 tòa án nhân dân thành phố V T cũng đã chia thừa kế toàn bộ thửa đất 597-2 tờ bản đồ số 16 diện tích 447m² địa chỉ thửa đất: đội 9 thôn D L, xã D L, thành phố V T - mà thửa đất đang đề nghị chia thừa kế là một phần trong đó. Mẹ của chị H và chị T đã được chia phần diện tích lớn hơn, phần còn lại là của ba chị H, Hải, Hường và bà L nhưng do không am hiểu pháp luật ba chị đã để bà L đứng tên nên mới phát sinh vụ kiện này.

Về ngôi nhà xây dựng trên đất: Ngôi nhà có diện tích 63,5m², tính giá trị theo giá của hội đồng định giá tài sản ngày 15/8/2022 là 174.394.000đ. Đây là công sức và tiền của chị H, chị H, chị H cùng nhau xây dựng nên để lấy chỗ cho mẹ các chị ở và lúc ốm đau bệnh tật tiện chăm sóc và có chỗ làm ma chay cúng giỗ khi mẹ các chị mất, các chị đã xuất trình được toàn bộ chứng cứ chứng minh mình là người xây nên ngôi nhà trên nên đây là tài sản chung của ba chị.

Tại tòa các chị H, Hường, Hằng thống nhất: Nếu được nhận nhà đất nêu trên các chị đề nghị cho chị H và chị H cùng đứng tên, chị H có trách nhiệm thanh toán phần thừa kế cho chị H và Thúy, phần thừa kế của chị H không phải thanh toán. Xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện nên được chấp nhận.

Chị H có trách nhiệm thanh toán cho chị T và chị H số tiền 60.289.460, đồng (Sáu mươi triệu hai trăm tám chín ngàn bốn trăm sáu mươi đồng) .

Về án phí: Chị H, chị H, chị T và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Về chi phí thẩm định, định giá: Chị H tự nguyện chịu, không đề nghị giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1, điều 47; khoản 1, điều 165 bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ điều 649;điểm a, khoản 1, điều 650;điểm a, khoản 1, điều 651;điều 652; điều 660 bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7, điều 27 nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn , giảm, thu nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Tạ Thị L để lại

Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H và Bà Nguyễn Thị H được đồng sở hữu và sử dụng: 01 ngôi nhà mái bằng trên diện tích đất 188,2 m² tại thửa đất số 844, tờ bản đồ số 16 địa chỉ thửa đất: Khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DSA 044874 do UBND thành phố V T cấp ngày 28/5/2021 cho bà Tạ Thị L. Diện tích đo đạc thực tế là 185,3m². Sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến nghĩa vụ do người chết để lại, phần còn lại chia di sản thừa kế.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Thanh H số tiền chênh lệch. Không phải thanh toán chênh lệch cho bà Hằng do bà không có yêu cầu.

Về chi phí thẩm định định giá tài sản: bà Hải tự nguyện chịu

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí tương đương với phần di sản thừa kế mà mình được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng Điều 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị H được đồng sở hữu và sử dụng: 01 ngôi nhà mái bằng trên diện tích đất 188,2 m² tại thửa đất số 844, tờ bản đồ số 16 địa chỉ thửa đất: Khu D L, phường D L, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DSA 044874 do UBND thành phố V T cấp ngày 28/5/2021 cho bà Tạ Thị L. Diện tích đo đạc thực tế là 185,3m².

Chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Thanh H mỗi người số tiền là 30.144.730đ (Ba mươi triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi xuất chậm thanh toán theo quy định Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 4.521.700đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi một nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009174 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố

V T. Chị H còn phải nộp 4.221.700đ (Bốn triệu hai trăm hai mươi một nghìn bảy trăm đồng)

Chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thanh H mỗi người phải chịu 1.507.236đ (Một triệu năm trăm linh bảy nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng) tiền án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận

- VKSND TP, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS TP V T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn .

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hoa